

**BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ
CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 224 /BTCCBCP-TCCB
V/v Báo cáo Thuyết trình bổ sung đề nghị
xét khen thưởng "Huân chương Sao Vàng"
cho ngành Tổ chức Nhà nước.

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2002

Kính gửi: - Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương tại công văn số 1475-CV/TCTW ngày 04/7/2002 về việc bổ sung, thuyết trình khen thưởng nhân ngày truyền thống. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ xin gửi Ban Tổ chức Trung ương báo cáo thuyết trình bổ sung và Biểu đồ thời gian phát triển của ngành Tổ chức Nhà nước để làm căn cứ, đề nghị xét khen thưởng "Huân chương Sao Vàng" cho ngành Tổ chức Nhà nước.

Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đề nghị Ban Tổ chức Trung ương xem xét, trình Bộ Chính trị khen thưởng "Huân chương Sao Vàng" cho ngành Tổ chức Nhà nước./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VT, TCCB.

**BỘ TRƯỞNG - TRƯỞNG BAN
BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ**



Đỗ Quang Trung

THUYẾT TRÌNH BỔ SUNG ĐỀ NGHỊ XÉT KHEN THƯỞNG
"HUÂN CHƯƠNG SAO VÀNG" CHO NGÀNH TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC.
(Gửi kèm công văn số: 224 /BTCCBCP-TCCB ngày 18 / 7 /2002)

Kính gửi: - Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương tại công văn số 1475-CV/TCTW ngày 04/7/2002 về việc bổ sung, thuyết trình khen thưởng nhân ngày truyền thống. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ xin được báo cáo bổ sung, cụ thể qua các thời kỳ phát triển của ngành Tổ chức Nhà nước như sau:

I. Quá trình thành lập Chính phủ lâm thời và Bộ Nội vụ với những chức năng, nhiệm vụ Tổ chức Cán bộ (1945):

Ngày 3/2/1930 thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh thông qua chính cương vắn tắt - cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng với chủ trương chiến lược " làm cách mạng tư sản dân quyền để đi tới xã hội cộng sản". Tháng 5/1941, trải qua hơn 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, về nước Hồ Chí Minh họp hội nghị Ban Chấp hành Trung ương của Đảng nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, thống nhất lực lượng kêu gọi toàn dân tham gia mặt trận thống nhất đánh Pháp, đuổi Nhật, giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc. Tháng 6/1941 Hồ Chí Minh gửi thư cho toàn thể đồng bào kêu gọi: "việc cứu nước là việc chung". Ngày 25/10/1941 Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) đã chính thức tuyên bố ra đời. Trong tuyên ngôn của Việt Minh nêu rõ: "Từ khi lập quốc, xét lịch sử nước ta, chưa bao giờ dân tộc ta nhọc nhằn, đau khổ như lúc này... Nguy cơ diệt vong đã bày ra trước mắt. Hiện thời, chúng ta chỉ có một con đường mưu sống là đoàn kết thống nhất, đánh đuổi Nhật - Pháp, trừ khử Việt gian. Mở con đường ấy cho đồng bào, Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời, chào các bạn "

Trọng trách của Việt Minh là: làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; làm cho dân Việt Nam được sung sướng tự do.

Tháng 10/1944 trong bối cảnh chung chiến thắng của Đồng minh trước chủ nghĩa Phát xít, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển; Hồ Chí Minh gửi thư cho quốc dân đồng bào chủ trương triệu tập đại hội đại biểu quốc dân để thống nhất đoàn kết và tạo ra sức mạnh về tổ chức, chuẩn bị một mô hình tổ chức Nhà nước mới cho đất nước.

Ngày 16/4/1945 tổng bộ Việt minh ra chủ trương và thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng "...Ủy ban dân tộc giải phóng là hình thức tiền Chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng..."

Ngày 13/8/1945 Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào quyết định Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc để giành chính quyền.

Ngày 16/8/1945 - Đại hội đại biểu quốc dân được tổ chức để triển khai, lãnh đạo Tổng khởi nghĩa và vạch ra 10 điểm làm nhiệm vụ cho cách mạng, coi đó là hiệu triệu giành chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trên nền tảng hoàn toàn độc lập. Đại hội đã quyết nghị lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do:

Hồ Chí Minh - Chủ tịch

Trần Huy Liệu - Phó chủ tịch

Các uỷ viên: Nguyễn Lương Bằng, Đặng Xuân Khu, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền, Chu Văn Tấn, Nguyễn Văn Xuân, Cù Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Lê Văn Hiến, Nguyễn Trí Thanh, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Hữu Đang.

Thường trực Ủy ban gồm: Hồ Chí Minh, Nguyễn Lương Bằng, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền.

Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam đã phân công các thành viên toả đi các nơi trong cả nước lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám lịch sử - tiêu biểu tại thành phố Hà Nội, ngày 19/8/1945 cướp chính quyền về tay cách mạng.

Ngày 25/8/1945, Ủy ban dân tộc giải phóng về Hà Nội. Trong tình hình mới, theo đề nghị của Hồ Chí Minh, Ủy ban dân tộc giải phóng được cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Ngày 28/8/1945 Chính phủ lâm thời ra tuyên cáo: "Ủy ban dân tộc giải phóng đã quyết định tự cải tổ mời thêm một số nhân sĩ tham gia Chính phủ đặng cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề mà Quốc dân giao phó..."

Chính phủ Lâm thời gồm :

- 1- Chủ tịch kiêm Bộ Trưởng Bộ Ngoại giao - Hồ Chí Minh
- 2- Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ - Võ Nguyên Giáp
- 3- Bộ Trưởng Bộ Thông Tin Tuyên truyền - Trần Huy Liệu
- 4- Bộ Trưởng Bộ Quốc phòng - Chu Văn Tấn
- 5- Bộ Trưởng Bộ Kinh tế Quốc dân - Nguyễn Mạnh Hà
- 6- Bộ Trưởng Bộ Thanh Niên - Dương Đức Hiền
- 7- Bộ Trưởng Bộ Cứu Tế Xã Hội - Nguyễn Văn Tố
- 8- Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp - Vũ Trọng Khánh
- 9- Bộ Trưởng Bộ Giao thông Công chính- Đào Trọng Kim
- 10- Bộ Trưởng Bộ Lao Động - Lê Văn Hiến
- 11- Bộ Trưởng Bộ Y Tế - Phạm Ngọc Thạch
- 12- Bộ Trưởng Bộ Tài chính - Phạm Văn Đồng
- 13- Bộ Trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục - Vũ Đình Hoè
- 14- Bộ Trưởng Bộ Không bộ: Cù Huy Cận và Nguyễn Văn Xuân.

Như vậy, Chính phủ lâm thời ra tuyên cáo với 14 Bộ trưởng và 12 Bộ, trong đó đồng chí Võ Nguyên Giáp là Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Ngày 19/01/1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nghị định số 14 quy định nhiệm vụ và tổ chức bộ máy Bộ Nội vụ. Ngày 3/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sắc lệnh 58/SL quy định chính thức tổ chức, nhiệm vụ của Bộ Nội vụ (trong cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ có Nha Công an).

II. Giai đoạn từ 1946 đến 1954 và việc hình thành Chính phủ liên hiệp kháng chiến với công tác tổ chức bộ máy Chính phủ để kiến quốc:

Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội Khoá I của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ với 89% cử tri đi bầu và 333 đại biểu được bầu. Quốc hội đã được triệu tập họp kỳ đầu tiên ngày 03/3/1946.

Trước tình hình nguy cơ của chiến tranh do thực dân Pháp và sự can thiệp của đế quốc Mỹ quay lại chiếm nước ta, Quốc hội Khoá I, kỳ họp thứ nhất đã thiết lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến.

Thành phần của Chính phủ liên hiệp kháng chiến gồm:

Chủ tịch	Hồ Chí Minh
Phó chủ tịch	Nguyễn Hải Thần
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	Nguyễn Tường Tam
Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Huỳnh Thúc Kháng
Bộ trưởng Bộ Kinh tế	Chu Bá Phượng
Bộ trưởng Bộ Tài chính	Lê Văn Hiến
Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng	Phan Anh
Bộ trưởng Bộ Xã hội kiêm Y tế, Cứu tế và Lao động:	Trương Đình Tri
Bộ trưởng Bộ Giáo dục	Đặng Thai Mai
Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Vũ Đình Hoè
Bộ trưởng Bộ Giao thông Công chính	Trần Đăng Khoa
Bộ trưởng Bộ Canh nông	Bồ Xuân Luật (3/1946) Huỳnh Thiện Lộc (từ 4/1946)

Kỳ họp thứ 2 Quốc hội Khoá I (10-11/1946) đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với các nội dung quy định chính thể Nhà nước, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân, Nghị viện, Chính phủ, Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban hành chính, cơ quan tư pháp.

Theo tinh thần nội dung của Hiến pháp (1946), Chính phủ đã triển khai các nhiệm vụ đối nội và đối ngoại, trong đó có việc củng cố bộ máy Nhà nước, tiến hành việc quản lý các nội dung nội tại trong lĩnh vực tổ chức:

Ngày 19/01/1946 Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã quy định chức năng, nhiệm vụ cho các tổ chức của Bộ Nội vụ.

Nghị định số 31/NĐ ngày 28/01/1946 quy định thể lệ bầu cử các Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Hành chính ở thành phố và khu phố.

Nghị định số 30/NĐ ngày 28/01/1946 quy định thể lệ bầu cử những dự khuyết trong các Ủy ban hành chính, công chức và thang bảng lương chung theo năng lực.

Sắc lệnh số 23/SL ngày 21/02/1946 thiết lập "Việt Nam Công an vụ" trong Bộ Nội vụ.

Sắc lệnh 52/SL ngày 22/4/1946 về chế độ tự do lập hội; Sắc lệnh 35/SL ngày 20/9/1945 quyền tự do tín ngưỡng.

Sắc lệnh số 57/SL ngày 03/5/1946 quy định việc Tổ chức Cán bộ trong các Bộ của Chính phủ Việt Nam.

Có thể thấy, từ 02/9/1945 đến 12/1946, sau hơn 1 năm hoạt động của Nhà nước và Chính phủ non trẻ; hơn 1 năm đấu tranh hoà hoãn nhân nhượng, giữ hoà bình. Nhưng thực dân Pháp cố tình gây hấn chiến tranh. Ngày 19/12/1946 Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Ngày 22/12/1946 theo chỉ thị kháng chiến của Trung ương Đảng, Chính phủ đã tiến hành triển khai bộ máy Nhà nước cho nhiệm vụ kháng chiến. Chính phủ kháng chiến, các uỷ ban kháng chiến các Khu, Tỉnh... Với thành phần gồm liên tịch quân, dân, chính đảng. Năm 1947 để phục vụ kháng chiến và ổn định bộ máy kháng chiến, Chính phủ đã được cải tổ, bổ sung thành phần: Phan Anh được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Kinh tế; Hoàng Minh Giám Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; Tạ Quang Bửu Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Đặng Văn Hương Bộ trưởng Bộ Không bộ, Huỳnh Thúc Kháng Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Công tác Tổ chức Cán bộ được hoạch định rõ hơn thông qua một loạt các Sắc lệnh và Nghị định chủ yếu quan trọng như sau:

Sắc lệnh số 91/SL ngày 01/10/1947 hợp nhất Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính từ cấp Tỉnh đến Xã thành Ủy ban kháng chiến hành chính, quy định thành phần Ủy ban và quan hệ làm việc giữa Ủy ban các cấp.

Sắc lệnh số 120/SL ngày 25/1/1948 thành lập các Liên Khu - Bắc bộ: Ba liên khu 1 - 3, Trung bộ IV, V, Nam bộ là một Liên khu.

Sắc lệnh số 188/SL ngày 29/5/1948 lập một chế độ công chức mới và thang lương chung cho các ngạch và các hạng công chức Việt Nam. Thông tư số 476/CC-TT ngày 16/6/1948 thi hành quy chế mới của công chức Việt Nam.

Sắc lệnh số 254/SL ngày 19/11/1948 tổ chức lại chính quyền nhân dân trong thời kỳ kháng chiến và Thông tư số 1826/NV/CT, Thông tư số 1827/NV/CT ngày 25/12/1948 áp dụng Sắc lệnh số 254.

Thông tư số 35/NV-CT ngày 19/8/1949 quy định thể lệ tuyển dụng nhân viên cho các công sở.

Nghị định số 97/NV2 ngày 14/3/1950 về mở kỳ thi cán sự hành chính.

Nghị định số 98/NV2 ngày 14/3/1950 về mở kỳ thi tham sự hành chính.

Sắc lệnh số 47/SL ngày 25/3/1950 sửa đổi Sắc lệnh số 188/SL ngày 20/5/1948 quy định chế độ công chức mới và đặt một thang lương chung cho các hạng công chức.

Nghị định số 158/NĐ ngày 17/4/1950 ấn định số nhân viên tối đa giúp việc Văn phòng các Ủy ban hành chính Kháng chiến Tỉnh, Huyện.

Nghị định số 162/NV/3 ngày 20/4/1950 tổ chức văn phòng Bộ Nội vụ.

Sắc lệnh số 76/SL ngày 20/5/1950 ban hành quy chế công chức.

Thông tư số 49/NV6-TT ngày 04/11/1950 về việc tuyển nhân viên theo hợp đồng.

Tháng 6/1947 đến tháng 10/1947 Cụ Tôn Đức Thắng là Bộ trưởng Bộ Nội vụ thay Cụ Huỳnh Thúc Kháng (mất); từ tháng 10/1947 Bộ trưởng Bộ Nội vụ là Cụ Phan Kế Toại.

Như vậy, từ năm 1947 - 1950 công tác Tổ chức Cán bộ do Bộ Nội vụ thực hiện đã định hình. Tổ chức bộ máy Nhà nước kháng chiến từ Trung ương đến địa phương đã đi vào ổn định và được thể hiện thông qua các văn bản pháp lý của Chính phủ và Bộ Nội vụ, Ủy ban hành chính Kháng chiến đã được bầu lại. Quy chế tổ chức các Bộ, Ngành đã được xác định. Các quy định thể chế hoá chế độ công chức, lương bổng chính sách thi tuyển, biên chế đã được ban hành. Thực chất nhiều nội dung của các văn bản thể chế đó đến nay còn nhiều điều chúng ta cần phải nghiên cứu, học hỏi, vận dụng.

Thông tư số 52/NV6-TT ngày 09/11/1950 ấn định những chi tiết cần được áp dụng trong việc thi hành kỷ luật đối với công chức phạm lỗi.

Thông tư số 62/NV-2ATT ngày 12/12/1950 đặt mẫu giấy hạnh kiểm công chức.

Tháng 2/1951 tại Xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, Tỉnh Tuyên Quang, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Đảng đã được tổ chức. Đây là đại hội chỉ đạo kháng chiến, Đại hội xác định tên Đảng là Đảng Lao động Việt Nam và đưa Đảng ra hoạt động công khai. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương, đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư. Theo nội dung do Đại hội II của Đảng, bộ máy chính quyền các cấp được củng cố và bầu lại. Các cơ quan Trung ương của Chính phủ được kiện toàn.

Ngày 10/4/1952 Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 155/TT về việc chỉnh đốn bộ máy tổ chức chính quyền. Trong đó bắt đầu đưa chính sách quản lý Nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong chỉ đạo quản lý, đưa ra khuôn mẫu chuẩn nhiệm vụ, chức năng của cơ cấu Bộ (Nha, Cục, Vụ, Sở, Viện). Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn của bộ máy Ủy ban hành chính kháng chiến địa phương.

Sắc lệnh số 141/SL ngày 16/2/1953 thành lập thứ Bộ Công an, tháng 6/1953 thành lập Bộ Công an (trước thời gian này là Công an vụ nằm trong Bộ Nội vụ).

Thông tư số 03/TC-TT ngày 27/2/1953 ấn định các nguyên tắc về tổ chức cơ quan ở các Thị xã và Thị trấn. Trong đó có nhấn mạnh khâu tổ chức bộ máy và thủ tục thành lập, xác lập địa giới hành chính.

Từ năm 1953 đến đầu 1954 Chính phủ phát động phong trào học tập chính huấn và cuộc vận động chống bệnh quan liêu giấy tờ, chỉnh đốn chính quyền nhân dân trong đội ngũ cán bộ, công nhân viên Nhà nước. Đây là một công tác nhằm chuẩn bị cho công tác mới theo nhịp chiến thắng ngoài mặt trận. Ngày 07/5/1954 chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày 8/5/1954 hội nghị Giơ Nevrơ về Đông Dương khai mạc, ngày 20/7/1954 các bản Hiệp định đình chiến được ký kết. Ngày 17/9/1954 Hội đồng Chính phủ ban hành 8 chính sách đối với các Thành phố mới giải phóng và 10 điều kỷ luật của Bộ đội, cán bộ, nhân viên khi vào thành phố giải phóng, ngày 10/10/1954 Thành phố Hà Nội được giải phóng, ngày 15/10/1954 Hồ Chủ Tịch và toàn bộ Chính phủ về Hà Nội. Miền Bắc được giải phóng.

III. Chính phủ và công tác tổ chức cán bộ thời kỳ 1955 đến 1973:

Tháng 9/1955 tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội Khoá I, trong thời kỳ miền Bắc được giải phóng Chính phủ đã được mở rộng và bổ sung, bao gồm:

Chủ tịch	Hồ Chí Minh
Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	Phạm Văn Đồng
Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Phan Kế Toại
Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	Võ Nguyên Giáp
Bộ trưởng Bộ Tài chính	Lê Văn Hiến
Bộ trưởng Bộ Giao thông Bưu điện	Nguyễn Văn Trân
Bộ trưởng Bộ Y tế	Trương Đình Tri
Bộ trưởng Bộ Công Thương	Lê Thanh Nghị
Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp	Phan Anh
Bộ trưởng Bộ Giáo dục	Nguyễn Văn Huyền
Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Vũ Đình Hoè
Bộ trưởng Bộ Thủy lợi và Kiến trúc	Trần Đăng Khoa
Bộ trưởng Bộ Văn Hoá	Hoàng Minh Giám
Bộ trưởng Bộ Thương binh	Vũ Đình Tung
Bộ trưởng Bộ Cứu tế	Nguyễn Xiển
Bộ trưởng Bộ Nông lâm	Nghiêm Xuân Yêm
Bộ Phủ Thủ tướng	Phạm Hùng
Bộ trưởng Bộ Lao Động	Nguyễn Văn Tạo

Trong các năm 1955- 1956 công tác tổ chức cán bộ Nhà nước được thực hiện đáng chú ý có một số nội dung như sau:

Thông tư 05/CB ngày 04/08/1954 của Bộ Nội vụ về việc ổn định cấp bậc cán bộ, công nhân viên, sắp xếp định hình chế độ tiền lương mới cho phù hợp hơn.

- Sắc lệnh số 230/SL ngày 29/04/1955 lập khu tự trị Thái- Mèo (Tây Bắc) gồm 3 Tỉnh Sơn La, Lai Châu, Nghĩa Lộ.

Nghị định số 1061/TTg ngày 27/09/1956 quy định lại việc sắp xếp các cán bộ giữ chức vụ điều khiển các Cơ quan Trung ương, Khu, Tỉnh và Thành phố vào thang lương 17 bậc kèm theo quy định các chế độ chính sách theo lương.

Từ 1955-1957 là 2 năm ở Miền Bắc thực hiện việc khôi phục kinh tế quốc dân và tổng kết việc thực hiện cải cách ruộng đất. Trong lĩnh vực Tổ chức cán bộ Nhà nước đã có những kiện toàn mới:

Sắc lệnh số 268/SL ngày 01/07/1956 thành lập khu tự trị Việt Bắc (gồm 5 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Thái Nguyên).

Nghị định số 449/TTg ngày 03/10/1957 thành lập Ủy ban điều chỉnh biên chế Trung ương và địa phương.

Nghị định số 668/NĐ ngày 08/11/1957 quy định nhiệm vụ cụ thể và tổ chức của Văn phòng Bộ Nội vụ.

Nghị định số 634/TTg ngày 28/12/1957 về tổ chức cơ quan thành phố.

Nghị định số 168/TTg ngày 31/3/1958 thành lập Ủy ban kiện toàn tổ chức Trung ương, Khu, Tỉnh.

Ngày 29/4/1958 Quốc hội Khoá I kỳ họp thứ 8 đã Quyết nghị: Ban hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương, lập Toà án tối cao, Viện công tố và hệ thống công tố tách từ Bộ Tư pháp và tương đương bộ thuộc Hội đồng Chính phủ. Lập Ủy ban Khoa học Nhà nước, lập Ủy ban dân tộc (chuyển từ Ban dân tộc).

Nghị định số 270/TTg ngày 31/5/1958 quy định chế độ lương cho khu vực hành chính sự nghiệp .

Thông tư số 289/TTg ngày 10/6/1958 về kiện toàn chính quyền địa phương.

Nghị định số 420/NĐ-TTg ngày 29/8/1958 ban hành bản Điều lệ tạm thời tổ chức chính quyền các cấp khu tự trị Việt Bắc.

Tháng 12/1959 Quốc hội Khoá II đã thông qua Hiến pháp năm 1959 (ngày 01/01/1960), Hiến pháp được công bố. Bộ máy Chính phủ đã được kiện toàn bao gồm:

Chủ tịch

Thủ tướng CP kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Phó Thủ tướng CP kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Hồ Chí Minh

Phạm Văn Đồng

Phan Kế Toại

Phó Thủ tướng CP kiêm Bộ trưởng Bộ QP
Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Chủ nhiệm

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước
Phó Thủ tướng Chính phủ
Bộ trưởng Bộ Công An
Bộ trưởng Bộ Giáo dục
Bộ trưởng Bộ nội thương
Bộ trưởng Bộ ngoại thương
Bộ trưởng Bộ Thủy lợi
Bộ trưởng Bộ Kiến trúc
Bộ trưởng Bộ Tài chính
Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
Bộ trưởng Bộ Nông lâm
Bộ trưởng Bộ Y tế
Bộ trưởng Bộ Lao động
Bộ trưởng Bộ Tư pháp
Bộ trưởng Bộ Văn hoá
Bộ trưởng Bộ Giao thông và bưu điện
Chủ nhiệm UBKH Nhà nước
Bộ trưởng Phó Chủ nhiệm UBKH Nhà nước
Bộ trưởng Phó Thủ tướng Chính phủ

Võ Nguyên Giáp

Trường Chinh
Phạm Hùng
Trần Quốc Hoàn
Nguyễn Văn Huyền
Đỗ Mười
Phan Anh
Trần Đăng Khoa
Bùi Quang Tạo
Hoàng Anh
Lê Thanh Nghị
Nghiem Xuân Yêm
Phạm Ngọc Thạch
Nguyễn Văn Tạo
Vũ Đình Hoè
Hoàng Minh Giám
Nguyễn Văn Trân
Nguyễn Duy Trinh
Lê Văn Hiến
Nguyễn Khang

Nghị quyết số 26, 27 (tháng 4/1960) của Chính phủ về cải tiến chế độ tiền lương và tăng lương năm 1960.

Nghị định số 23/CP ngày 30/6/1960 về phân loại tổ chức, phân loại chức vụ của cán bộ và viên chức thuộc khu vực hành chính, sự nghiệp.

Tháng 7/1960 Quốc hội Khóa II được triệu tập, Quốc hội theo Hiến pháp 1959 đã bầu: Hồ Chí Minh - Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Cù Tôn Đức Thắng - Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch uỷ ban thường vụ Quốc hội ông Trường Chinh, Thủ tướng Chính phủ ông Phạm Văn Đồng.

Ngày 26/7/1960 Hồ Chủ tịch đã ký Sắc lệnh số 18/LCT công bố Luật Tổ chức Hội đồng Chính phủ, trong đó quy định cơ cấu bộ máy của Hội đồng Chính phủ và các quy định hoạt động kèm theo.

Thông tư số 244/TTg ngày 19/10/1960 về chế độ định kỳ hàng năm nhận xét cán bộ, công nhân viên trong cơ quan Nhà nước, Thông tư số 58/CB ngày 8/4/1960 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành chế độ định kỳ hàng năm nhận xét cán bộ, nhân viên.

Nghị định số 25/CP ngày 5/7/1960 quy định chế độ lương thuộc khu vực hành chính sự nghiệp.

Trên cơ sở xác định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ theo cơ cấu Chính phủ được quy định trong Hiến pháp 1959 và theo Nghị quyết của Quốc hội (01/1/1960). Ngày 20/3/1963 Hội đồng Chính phủ đã có Quyết định số 31/CP về việc điều chỉnh 1 số nhiệm vụ giữa Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, Bộ Công an, Bộ Y tế và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam. Việc phân

định này được căn cứ theo các Nghị định số 130/CP ngày 29/9/1961 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ. Theo nội dung phân định này, về chức năng quản lý đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước được thể hiện như sau:

Bộ Nội vụ có nhiệm vụ phụ trách công tác cứu tế xã hội và an toàn xã hội; công tác quản lý nhà đất, công tác quản lý hàng binh; nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chính sách, chế độ hưu trí, tiền tuất, nghỉ việc vì mất sức lao động đối với cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước; chỉ đạo thực hiện các chính sách, chế độ (kể cả việc quản lý quỹ và quản lý trại an dưỡng).

Đây là một nội dung phân định đánh dấu một mốc mới để giải thích một nội dung trong một thời gian không có Bộ Nội vụ (hoặc có Bộ Nội vụ nhưng thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác) do giai đoạn lịch sử sau này của ngành tổ chức Nhà nước.

Thông tư số 01/TT-LB ngày 23/1/1962 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động hướng dẫn giải thích và hướng dẫn thi hành điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội áp dụng cho công chức viên chức.

Thông tư số 51/TTg ngày 9/5/1962 của Thủ tướng Chính phủ về cải tiến tổ chức sửa đổi lề lối làm việc của cơ quan cấp Xã và các chế độ đãi ngộ với cán bộ Xã, Thông tư số 30/NV ngày 25/5/1962 hướng dẫn tổ chức, sửa đổi lề lối làm việc của cơ quan cấp Xã.

- Chỉ thị 74/TTg ngày 13/7/1962 của Thủ tướng Chính phủ về việc cải tiến, tinh giản bộ máy, giảm nhẹ biên chế; ngày 4/2/1963 Bộ Nội vụ có Thông tư 04/NV về cải tiến tổ chức, giảm nhẹ biên chế các cơ quan Nhà nước địa phương.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ, xét tình hình triển khai công tác tổ chức tại địa phương; ngày 13/6/1963 Bộ Nội vụ có Thông tư số 15/NV về việc chấn chỉnh tổ chức bộ máy làm các công tác do Bộ Nội vụ chỉ đạo ở địa phương. Trong Thông tư nêu rõ: trong đợt cải tiến tổ chức địa phương lần này, Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban hành chính nên đưa các công tác do Bộ Nội vụ chỉ đạo ở Khu, Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương vào một mối thống nhất, vào một tổ chức lấy tên là Ban Tổ chức và dân chính. Đồng thời, Thông tư đã đề ra các nhiệm vụ của Ban Tổ chức và dân chính gồm các nội dung cơ bản sau:

- Xây dựng và kiện toàn tổ chức bộ máy của địa phương; phân nhiệm và phân cấp quản lý; xây dựng và sửa đổi chế độ công tác; nghiên cứu việc điều chỉnh địa giới; tổ chức phục vụ bầu cử; kiện toàn tổ chức chính quyền Xã...; huấn luyện các uỷ viên uỷ ban hành chính Xã...; quản lý và phân bổ biên chế; quản lý công tác cán bộ theo phân cấp; thi hành các chính sách cho cán bộ, công nhân viên chức; thi hành các chính sách chế độ cho cán bộ Xã...thi hành chính sách cán bộ cho thương binh liệt sỹ...; thi hành các chính sách về thể lệ, hộ tịch, lập hội; thi hành các chính sách về cứu tế và xã hội...; quản lý

nhà đất. Ban Tổ chức và dân chính không tổ chức thành phòng mà chia thành 02 khối (khối về công tác tổ chức và khối về chính sách). Đây là một văn bản quan trọng đánh dấu một bước thành lập hệ thống tổ chức trong lĩnh vực công tác tổ chức Nhà nước. Tại các Bộ, Ngành có Vụ Tổ chức Cán bộ, tại địa phương có Ban Tổ chức và dân chính.

- Thực hiện và thi hành Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính (Luật ngày 10/11/1962); ngày 03/8/1963 Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 18/NV về việc thi hành Luật này. Trong Thông tư đã nêu rõ nhiều nội dung quy định chế độ hoạt động và công tác cụ thể của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính, đến nay nhiều nội dung này còn mang tính hiện thực tốt.

- Theo các nội dung của Quyết định 125/CP ngày 13/7/1966 của Hội đồng Chính phủ, trong đó xác định khái niệm phân định chức năng lao động bằng cụm từ "lao động thuộc các ngành không sản xuất vật chất" mà ngày nay khái niệm là hành chính sự nghiệp; Bộ Nội vụ có thông tư số 14/NV ngày 12/12/1966 và Thông tư 15/NV ngày 06/12/1966. Trong 02 Thông tư chứa đựng nhiều nội dung sâu sắc hoạch định phương hướng, kế hoạch, tiêu chuẩn, định mức, ngân sách...Để quản lý hình thái lao động này.

- Theo nội dung của Luật Tổ chức hội đồng Chính phủ, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính, từng bước Bộ Nội vụ đã có Thông tư hướng dẫn và tiến hành xây dựng các dự thảo trình Hội đồng Chính phủ ban hành các Nghị định quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho các cơ quan của Chính phủ và thuộc Chính phủ; mô hình và nhiệm vụ cụ thể của Ủy ban hành chính và các cơ quan chuyên môn của ủy ban hành chính tỉnh, khu, thành phố trực thuộc Trung ương. Đồng thời có Thông tư hướng dẫn số 25/NV ngày 28/9/1967 làm rõ và kiện toàn cũng như là quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lễ lối làm việc của Ủy ban hành chính huyện.

- Quyết định số 129/CP ngày 16/8/1967 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Vụ hưu trí thuộc Bộ Nội vụ.

Bắt đầu từ năm 1969 những nhiệm vụ công tác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và con người của Bộ Nội vụ có sự điều chuyển. Nội dung này được thể hiện thông qua các Nghị quyết, Nghị định của Hội đồng Chính phủ, Quyết định của Hội đồng Chính phủ.

- Quyết định số 140/CP của hội đồng Chính phủ ngày 14/8/1969 về việc chuyển giao công tác quản lý biên chế hành chính sự nghiệp từ Bộ Nội vụ sang Bộ Lao động phụ trách.

Từ 1969, những chức năng, nhiệm vụ trong lĩnh vực tổ chức và cán bộ theo thẩm quyền của Chính phủ có những chuyển biến theo chuyển biến chung của đất nước. Cuộc kháng chiến chống Mỹ và bè lũ tay sai tại miền Nam nhằm thực hiện chiến lược giải phóng đất nước, độc lập dân tộc đã bước sang 1 giai đoạn quyết định. Những chức năng, nhiệm vụ về công tác tổ chức của Chính phủ trước đó thuộc thẩm quyền của các Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, Bộ Thương binh Xã hộidần dần được chuyển về một đầu mối do Phủ Thủ tướng đảm nhiệm (Quyết định số 41/CP ngày 6/3/1970, Quyết định số 40/CP ngày 26/2/1970). Cụ thể bao gồm một số chức năng, nhiệm vụ sau: quản lý biên chế hành chính sự nghiệp, tổ chức bộ máy, công tác xây dựng chính quyền địa phương, công tác bầu cử, công tác bồi dưỡng lý luận và quản lý hành chính, công tác quản lý Hội.....kèm theo đó có sự điều chuyển những cán bộ đang thực hiện những nhiệm vụ về công tác tổ chức cán bộ tại các Bộ về Phủ Thủ tướng.

- Quyết định số 41/CP ngày 26/2/1970 về việc chuyển 1 số nhiệm vụ của Bộ Nội vụ về Ủy ban Thống nhất và Phủ Thủ tướng. Trong đó có nhiệm vụ về tổ chức bộ máy, công tác xây dựng chính quyền địa phương, bầu cử, bồi dưỡng lý luận và quản lý Hội.

Theo các Quyết định này, một số cán bộ đang thực hiện các nhiệm vụ theo các Quyết định cũng được điều chuyển về Phủ Thủ tướng.

- Thông tư số 238/TTg ngày 16/8/1972 về việc tăng cường quản lý biên chế khu vực không sản xuất vật chất trong thời chiến. Trong đó quy định không cho phép việc tuyển dụng người vào biên chế là lao động phổ thông và cán bộ Xã và tăng cường quản lý chặt chẽ biên chế trong khu vực không sản xuất vật chất.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong thời gian từ 1970-1973 có tiến triển và thu nhiều thắng lợi quyết định. Hiệp nghị Paris về vấn đề hoà bình ở Việt Nam đã được ký kết sau thắng lợi của trận Điện Biên phủ trên không (12/1972).

IV. Giai đoạn từ 1973- 1979 - quá trình thành lập và hoạt động của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (đặt trong Phủ Thủ tướng):

- Ngày 20/2/1973, trong tình hình và xu hướng phát triển mới, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 29/CP thành lập Ban Tổ chức của Chính phủ để thực hiện chức năng và nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu xây dựng, kiện toàn bộ máy Nhà nước các ngành, các cấp; quản lý công tác biên chế, công tác cán bộ của các cơ quan Nhà nước; hướng dẫn công tác tổ chức bầu cử và theo dõi hoạt động HĐND và UBND các cấp; tổ chức đào tạo bồi dưỡng cán bộ chính quyền các cấp; xây dựng chế độ thành lập và hoạt động các hội quần chúng. Theo đó, một số nhiệm vụ của Bộ Nội vụ và Bộ Lao động... cùng một số cán bộ công chức được điều chuyển về công tác tại Ban

Tổ chức của Chính phủ. Tháng 6/1975, theo Nghị quyết của Quốc hội khoá V, Bộ Nội vụ và Bộ Công an hợp nhất lấy tên là Bộ Nội vụ. Tháng 5/1998 theo Nghị quyết số 13 Quốc hội khoá X kỳ họp thứ 3 đổi tên Bộ Nội vụ thành Bộ Công an.

Trong bối cảnh đó, chuẩn bị cho một phương hướng chiến lược mới, chuẩn bị cho một Nhà nước thống nhất, Hội đồng Chính phủ đã có một quyết nghị ban hành Nghị định số 29/CP ngày 20/2/1973 thành lập Ban Tổ chức của Chính phủ. Như vậy, đây là ngày tháng thành lập cơ quan với tên gọi là một Ban trực thuộc Chính phủ và một cơ quan ngang Bộ của Chính phủ sau này.

Nghị định 29/CP định rõ: Thành lập Ban Tổ chức của Chính phủ để thực hiện nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính phủ quản lý công tác tổ chức cán bộ theo đường lối chính sách của Đảng và luật lệ của Nhà nước nhằm xây dựng kiện toàn bộ máy. Như vậy, theo tinh thần của Nghị định, Ban Tổ chức của Chính phủ là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu tư vấn của Thủ tướng Chính phủ với một số nhiệm vụ chủ yếu cụ thể như sau:

1. Nghiên cứu xây dựng và kiện toàn bộ máy Nhà nước các ngành, các cấp, nhằm định rõ nhiệm vụ, chức năng, hệ thống tổ chức, mối quan hệ (gồm cả mối quan hệ với tổ chức Đảng và các đoàn thể xã hội), tiêu chuẩn tổ chức và cán bộ, biên chế của các cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở, trình Chính phủ phê duyệt và phối hợp với các ngành, các cấp thực hiện.

2. Quản lý chung công tác biên chế các cơ quan Nhà nước.

3. Quản lý công tác cán bộ các cơ quan Nhà nước theo đúng đường lối, nguyên tắc, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước.

4. Hướng dẫn việc tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp theo luật lệ quy định; theo dõi tình hình hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

5. Tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính quyền các cấp.

6. Xây dựng chế độ thành lập và hoạt động của các Hội quần chúng trình Chính phủ ban hành; theo dõi tình hình hoạt động của các Hội quần chúng.

Theo tinh thần của Nghị định số 29/CP, cơ cấu của Ban Tổ chức của Chính phủ được lập gồm: Văn phòng, Vụ Tổ chức, Vụ Biên chế, Vụ Chính quyền địa phương, Vụ Cán bộ.

Trong quá trình hoạt động từ 1973-1979, ngoài các nhiệm vụ được giao, Ban Tổ chức của Chính phủ còn được Thủ tướng Chính phủ giao các nhiệm vụ đột xuất về công tác tổ chức và cán bộ, gồm một số nhiệm vụ cụ thể lớn, cá biệt như sau:

- Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 275/TTg ngày 31/12/1973 về việc thực hiện bản Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ và bản quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các Bộ trong lĩnh vực

quản lý kinh tế. Trong đó Ban Tổ chức của Chính phủ được giao là một thành viên giúp Hội đồng Chính phủ theo dõi và đôn đốc việc thi hành.

- Nghị quyết của Chính phủ số 245/CP ngày 5/11/1974 về tinh giản biên chế bộ máy Nhà nước quản lý các ngành sản xuất kinh doanh, quản lý các xí nghiệp, sắp xếp và sử dụng hợp lý cán bộ, công nhân viên chức trong khu vực Nhà nước. Trong đó Ban Tổ chức của Chính phủ được phân công và giao là thành viên của Tiểu ban nghiên cứu phương án thực hiện việc tinh giản bộ máy ở Trung ương và địa phương, các chính sách và chế độ có liên quan đến việc tinh giản bộ máy và sắp xếp biên chế. Những nội dung này được thể hiện rõ hơn trong Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 308/TTg ngày 16/12/1974.

- Quyết định số 124/CP ngày 20/5/1974 của Hội đồng Chính phủ về việc điều động cán bộ ngoài diện thuộc Hội đồng Chính phủ bổ nhiệm và bãi nhiệm. Trong đó nêu rõ giao Ban Tổ chức của Chính phủ có trách nhiệm nghiên cứu giúp Thủ tướng Chính phủ ra quyết định điều động những cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật ...ngoài diện thuộc Hội đồng Chính phủ bổ nhiệm và bãi nhiệm.

- Trên cơ sở những chuyển đổi nhiệm vụ từ 1971-1975 thuộc lĩnh vực tổ chức và cán bộ và theo các nhiệm vụ của Chính phủ như đã nêu ở trên. Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá V (6/1975) Quốc hội đã quyết nghị thống nhất hợp nhất 2 Bộ Công an và Bộ Nội vụ lập thành Bộ Nội vụ, các nhiệm vụ về tổ chức và cán bộ cho bộ máy Chính phủ dần dần được chuyển về các cơ quan hữu quan khác của Đảng, Chính phủ đảm nhiệm. Trong đó có một số nhiệm vụ chuyển về do Thủ tướng Chính phủ đảm nhiệm trực tiếp và do Ban Tổ chức của Chính phủ tham mưu tư vấn, những nội dung này được thể hiện qua 1 số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Quyết định số 50/CP ngày 28/2/1975 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Ban nghiên cứu cải tiến tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi tập thể trong khu vực Nhà nước. Trong đó Bộ Lao động là thường trực, Ban Tổ chức của Chính phủ được giao là thành viên.

- Thông tư số 337/TTg ngày 28/10/1975 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó giao Ban Tổ chức của Chính phủ thực hiện nhiệm vụ cùng các cơ quan khác hướng dẫn việc thực hiện các chế độ đối với chuyên viên 7,8,9 (là cán bộ cấp cao).

- Thông tư số 335/TTg ngày 28/10/1975 của Thủ tướng Chính phủ để hướng dẫn thực hiện nghị quyết số 24/NQ của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 245/NQ ngày 25/9/1975 của Bộ Chính trị về việc giải thể cấp Khu và hợp Tỉnh. Trong đó Ban Tổ chức của Chính phủ được giao nhiệm vụ thực hiện việc xây dựng kế hoạch triển khai và hướng dẫn các địa phương thực hiện.

- Quyết định số 45/CP ngày 02/3/1978 của Hội đồng Chính phủ về việc giao Ban Tổ chức của Chính phủ quản lý kế hoạch lao động và tiền lương thuộc các ngành không sản xuất vật chất.

- Quyết định của Hội đồng Chính phủ số 36/CP ngày 2/2/1980 về việc thành lập tiểu ban nghiên cứu xây dựng danh mục và tiêu chuẩn nhiệm vụ các chức vụ viên chức. Trong đó Ban Tổ chức của Chính phủ là thành viên và là cơ quan tiến hành thực hiện.

V. Giai đoạn từ 1979-1990 giai đoạn Ban Tổ chức của Chính phủ là cơ quan trực thuộc Chính phủ.

Ngày 15/12/1979, xét tổng thể các nhiệm vụ trong lĩnh vực tổ chức và cán bộ của Chính phủ theo tình hình nhiệm vụ mới, để chuẩn bị cho quá trình sửa đổi hình thái Nhà nước và chuẩn bị cho Đại hội Đảng lần thứ V và Quốc hội Khoá VII; Thủ tướng Chính phủ đã quyết định cho Ban Tổ chức của Chính phủ thành một cơ quan hoạt động độc lập, có trụ sở, biên chế riêng. Bắt đầu từ 1/1/1980, Ban Tổ chức của Chính phủ tách biên chế và ngân sách khỏi Văn phòng Phủ Thủ tướng. Cơ cấu tổ chức bao gồm: Văn phòng, Vụ Cán bộ, Vụ Chính quyền địa phương, Vụ Tổ chức, Vụ Biên chế. Chức năng, nhiệm vụ vẫn hoạt động theo Nghị định số 29/CP.

Những nhiệm vụ được giao theo chức năng của Ban Tổ chức của Chính phủ được phản ánh qua một số các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể:

- Quyết định số 36/CP ngày 2/2/1980 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập Tiểu ban nghiên cứu xây dựng chức danh, tiêu chuẩn nhiệm vụ các chức vụ viên chức, trong đó đồng chí Trưởng ban của Ban Tổ chức của Chính phủ được phân công làm Phó Tiểu ban.

- Chỉ thị số 184/TTg ngày 6/6/1980 và Thông tư số 257/TTg ngày 27/8/1980 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn về quản lý biên chế các cơ quan Nhà nước; trong đó Ban Tổ chức của Chính phủ là cơ quan tham mưu, giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi và tổng hợp tình hình báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 318/CP ngày 2/10/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Tiểu ban nghiên cứu sử dụng lực lượng lao động và xác định quỹ lương trong khu vực Nhà nước, trong đó Ban Tổ chức của Chính phủ là thành viên và được giao nhiệm vụ theo dõi và thi hành.

Đặc biệt, 12/1980 Quốc hội đã ban hành Hiến pháp mới (Hiến pháp 1980) - Hiến pháp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước. Theo Hiến pháp mới (1980) quy định bộ máy Nhà nước theo mô hình mới bao gồm: Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng (Chính phủ). Cơ cấu chính quyền có cấp Trung ương; Tỉnh, Thành phố trực thuộc

Trung ương; Huyện, Thành phố thuộc Tỉnh, Thị xã, Quận, Phường, Xã, Thị trấn....ở mỗi cấp có Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân.

- Trong thời gian này, Ban Tổ chức của Chính phủ được giao nhiệm vụ giúp Đảng, Nhà nước, Chính phủ chuẩn bị các nội dung cho bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá VII; được thể hiện qua Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 1158/NQ ngày 19/2/1981 (khoá VI) thành lập Hội đồng bầu cử ở Trung ương, trong đó lãnh đạo Ban là thành viên Hội đồng.

- Theo nhiệm vụ và theo Quyết định số 94/HĐBT ngày 26/1/1981 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy chính quyền cấp Phường; Ban Tổ chức của Chính phủ có Thông tư số 469/TCCP ngày 2/12/1981 hướng dẫn thi hành Quyết định 94/HĐBT; theo Quyết định số 112/HĐBT ngày 15/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của chính quyền cấp Xã; Ban Tổ chức của Chính phủ đã có Thông tư số 477/TCCP ngày 10/12/1981 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 112/HĐBT.

- Nghị quyết số 16/HĐBT ngày 8/2/1982 về việc tinh giản biên chế hành chính; trong đó giao lãnh đạo Ban Ban Tổ chức của Chính phủ là thành viên thường trực giúp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

- Nghị định số 86/HĐBT ngày 4/8/1983 về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, trong đó giao trách nhiệm cho Ban Tổ chức của Chính phủ theo dõi hướng dẫn thực hiện và báo cáo kết quả lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

- Thông tư số 74/ĐP/TCCP ngày 26/1/1985 hướng dẫn thi hành Nghị định số 235/HĐBT ngày 18/9/1985 về chế độ phụ cấp tạm thời sinh hoạt phí đối với cán bộ Xã, Phường, Thị trấn.

Trong thời gian từ 1979-1990 ngoài các nhiệm vụ cụ thể được giao ngày càng nhiều trong lĩnh vực tổ chức giúp Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ (Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Hội đồng Bộ trưởng); Ban Tổ chức của Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ và tổ chức thường xuyên làm tham mưu cho các lĩnh vực phân chia địa giới, tổ chức Hội quần chúng, tổ chức bộ máy các Bộ, Ngành Trung ương và chính quyền địa phương các cấp, chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ của chính quyền địa phương... Đây chính là các nội dung cơ bản từng bước hình thành các nhiệm vụ chung của cơ quan, tạo tiền đề cho việc xác định các lĩnh vực công tác cụ thể cho giai đoạn tiếp theo.

Tháng 5/1982 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định bổ nhiệm đồng chí **Vũ Trọng Kiên** - Phó trưởng ban Tổ chức Trung ương giữ chức Trưởng ban Ban Tổ chức của Chính phủ.

Tháng 10/1989, đồng chí **Phan Ngọc Tường** - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng được Thủ tướng Chính phủ điều động, bổ nhiệm giữ chức Trưởng ban Ban Tổ chức của Chính phủ.

VI. Giai đoạn từ 1990 đến nay, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ phát triển và trở thành cơ quan (ngang Bộ) của Chính phủ.

Đầu năm 1990, sau 4 năm tiến hành đổi mới do Đại hội VI (1986) của Đảng khởi xướng. Trong lĩnh vực phát triển kinh tế đã bước đầu thu được những kết quả khích lệ tạo tiền đề cho các bước phát triển và đổi mới. Đời sống của nhân dân nói chung và của cán bộ, công chức nói riêng đã từng bước được cải thiện, nhiều chế độ bao cấp, tem phiếu....đã được xoá bỏ. Trong tình hình đó, để chuẩn bị một bước các nội dung đổi mới trong hoạt động của bộ máy Nhà nước nói chung và trong lĩnh vực tổ chức và cán bộ nói riêng. Trong đó có việc xây dựng Hiến pháp mới (Hiến pháp 1992), kèm theo đó là các luật liên quan được gấp rút dự thảo.

Để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ được Chính phủ giao, Ban Tổ chức của Chính phủ đã gấp rút chỉ đạo việc tiến hành nghiên cứu các nhiệm vụ của cơ quan hiện tại đang thực hiện và những nhiệm vụ được giao bổ xung qua các thời kỳ; và đồng thời xây dựng bản dự thảo Nghị định mới của Chính phủ để thay thế Nghị định số 29/CP (1973) không còn phù hợp trong điều kiện mới hiện tại.

Ngày 7/5/1990 theo Nghị quyết của Hội nghị Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng họp ngày 12/4/1990 Chính phủ (Hội đồng Bộ trưởng) đã ban hành Nghị định số 135/HĐBT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ (thay đổi so với tên cũ), theo Nghị định số 135/HĐBT, Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ có vị trí là cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng với chức năng giúp Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo và quản lý về tổ chức và cán bộ thuộc các cơ quan hành chính Nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Ngoài các nhiệm vụ được thể hiện trong Nghị định, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ được Hội đồng Bộ trưởng giao thực hiện một số nội dung sau:

- Được uỷ quyền ban hành các chức danh và tiêu chuẩn viên chức đối với từng ngành, từng lĩnh vực.
- Tổ chức và chỉ đạo việc quản lý biên chế thuộc cơ quan hành chính sự nghiệp ở Trung ương và địa phương.
- Theo dõi sự hoạt động của các Hội theo pháp luật Nhà nước.
- Quyết định việc phân vạch địa giới hành chính Xã, Phường và đơn vị hành chính tương đương theo đề nghị của Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương.
- Hướng dẫn, kiểm tra các Bộ, Uỷ ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban Nhân dân các cấp trong việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật và quy chế về tổ chức và cán bộ.
- Chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ đối với các Vụ (Ban) Tổ chức của các Bộ, ngành và Ban Tổ chức chính quyền các địa phương.

Theo Nghị định số 135/HĐBT, cơ cấu tổ chức cơ quan đã được kiện toàn, bao gồm: Văn phòng Ban, Vụ Cán bộ, Vụ Viên chức, Vụ Tổ chức Chính quyền địa phương, Vụ Tổ chức, Vụ Tổng hợp - Pháp chế, Trung tâm Thông tin - Tư liệu (sau này là Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Thông tin), cơ quan Thường trực miền Nam (trong thành phố Hồ Chí Minh), cơ quan thường trực miền Trung và Tây Nguyên (tại thành phố Nha Trang).

Theo Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (năm 1991), Quyết nghị của Quốc hội khoá VIII (10/1992) Hiến pháp mới được ban hành (1992) và theo đó các văn bản Luật và dưới Luật được soạn thảo và ban hành tiếp theo. Hiến pháp (năm 1992) quy định lập mô hình mới thay thế cho mô hình Nhà nước (theo Hiến pháp 1980). Trong cơ cấu Chính phủ (được thành lập theo Lệnh của Chủ tịch nước), Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ là cơ quan ngang Bộ, Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ là thành viên của Chính phủ. Như vậy, lĩnh vực quản lý của một cơ quan ngang Bộ phải được nghiên cứu để xây dựng một Nghị định mới của Chính phủ để quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Căn cứ vào Luật Tổ chức Chính phủ, Nghị định số 15/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 181/CP ngày 9/11/1994 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (tên cũ là Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ). Trong Nghị định quy định rõ vị trí của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ là cơ quan của Chính phủ với chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực tổ chức bộ máy Nhà nước, công chức và viên chức Nhà nước, lập Hội quần chúng và tổ chức phi Chính phủ, phân vạch địa giới hành chính và công tác lưu trữ tài liệu Quốc gia.

Về chức năng quản lý, Nghị định nêu rõ Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ theo quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 2/3/1993. Tuy nhiên, là một cơ quan thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực Tổ chức - Cán bộ của Nhà nước, là một lĩnh vực phức tạp, rộng và liên quan nhiều đến các Bộ, Ngành Trung ương. Vì vậy, nhiều nhiệm vụ, quyền hạn và trong thực tế hoạt động công tác phản ảnh nội dung đan xen giữa nội dung mang tính chất tham mưu, tư vấn và quản lý.

Nghị định số 181/CP giao Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ 12 nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể. Đồng thời xác định cơ cấu bộ máy tổ chức gồm 10 đầu mối: Vụ Chính quyền Địa phương, Vụ Tổ chức, Vụ Công chức - Viên chức, Vụ Biên chế Tiền lương, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Thanh tra - Pháp chế, Vụ Đào tạo, Cục Lưu trữ Nhà nước, Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước, Văn phòng Ban (trong đó có cơ quan thường trực miền Nam tại thành phố Hồ Chí Minh và cơ quan thường trực miền Trung tại thành phố Nha Trang tỉnh Khánh Hoà).

Đặc biệt, Nghị định số 181/CP đã quy định hệ thống tổ chức ở các cơ quan Trung ương và địa phương: Vụ (Ban) tổ chức và cán bộ ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ban Tổ chức chính quyền Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương, phòng hoặc bộ phận tổ chức ở Huyện, Thị xã, Thành phố thuộc Tỉnh.

Tháng 12/1996, sau Đại hội VIII của Đảng và sau kỳ họp thứ I Quốc hội khoá X; vì điều kiện sức khoẻ đồng chí Bộ trưởng - Trưởng ban Phan Ngọc Tường được nghỉ công tác quản lý. Đồng chí **Đỗ Quang Trung** - Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch đã được điều động và bổ nhiệm giữ chức Bộ Trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Ngày 13/8/1998 Theo Quyết định số 144/1998/QĐ-TTg về việc thay đổi và thành lập một số tổ chức thuộc Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, cụ thể gồm: đổi tên Vụ Tổ chức thành Vụ Tổ chức Biên chế Nhà nước, Vụ Biên chế Tiền lương thành Vụ Tiền lương, thành lập Vụ Tổ chức Cán bộ và Vụ Tổ chức phi Chính phủ.

Ngày 9/9/1998 xét nhu cầu nhiệm vụ công tác, Bộ trưởng - Trưởng ban đã quyết định thành lập Tổ Cải cách Hành chính (quyết định số 172/QĐ) và ngày 11/01/2002 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 09/2002/QĐ-TTg về việc thành lập Vụ Cải cách hành chính thuộc Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ trên cơ sở Tổ Cải cách hành chính.

Xét nhu cầu công tác và tiến hành việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại hoá công tác của cơ quan, ngày 17/8/1998 Bộ trưởng - Trưởng ban đã ban hành Quyết định số 142/QĐ-TCCP-CCVC về việc thành lập Trung tâm Công nghệ và Dữ liệu thông tin để thực hiện chức năng làm đầu mối quản lý và triển khai công nghệ thông tin và tin học hoá lĩnh vực công tác tổ chức Nhà nước trong toàn quốc.

Cuối năm 1998, sau hơn 4 năm thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể theo Nghị định số 181/CP ngày 9/11/1994, sau một quá trình rà soát và theo Quyết định số 144/QĐ-TTg ngày 13/8/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên và thành lập một số tổ chức mới thuộc Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, nhằm một bước kiện toàn, giải quyết các chồng chéo nhiệm vụ giữa các tổ chức trong Ban và đáp ứng các nhiệm vụ được Chính phủ giao thêm trong quá trình công tác; Bộ trưởng - Trưởng ban đã ban hành Quyết định số 20/TCCP-TCCB ngày 22/9/1998 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một số tổ chức thuộc Ban; Quyết định số 102/TCCP-TCCB ngày 10/12/1998 bổ sung và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với Vụ Hợp tác quốc tế; Quyết định số 163/QĐ-TCCP ngày 13/8/1999 bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với Trung tâm Công nghệ và Dữ liệu thông tin.

Thực hiện theo nhiệm vụ được giao trong Nghị định số 03/NĐ -CP ngày 28/1/1999 về quản lý hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực cải cách hành chính Bộ trưởng - Trưởng ban đã ban hành Thông tư số 19/TT-TCCP ngày 30/6/1999 theo các nội dung của 9 nhiệm vụ lớn làm đầu mối, chỉ đạo và quản lý trong hoạt động hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực cải cách hành chính. Bản hướng dẫn đã chỉ rõ các nội dung phân định và đề ra các biện pháp thực hiện giai đoạn từ 1990 đến nay là giai đoạn Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ tiến hành xây dựng cơ quan, triển khai các nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo và tham mưu cho Chính phủ trong lĩnh vực tổ chức và cán bộ. Đây là thời kỳ sôi động hoà nhập vào công cuộc đổi mới chung của đất nước, nhiều nhiệm vụ lớn đáng ghi nhớ do Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ tiến hành đã và đang được triển khai là:

- Trong các nhiệm vụ tổ chức bộ máy Chính phủ và chính quyền đã thực hiện việc giúp Chính phủ triển khai bộ máy hành pháp Nhà nước theo tinh thần của Hiến pháp (1992) và Luật Tổ chức Chính phủ (1992), thực hiện việc chỉ đạo, thẩm định các Đề án kiện toàn các cơ quan của Chính phủ và thuộc Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan này; làm đầu mối thẩm định để trình Chính phủ việc thành lập các tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; các nhiệm vụ tinh giản biên chế hành chính sự nghiệp; xây dựng các quy định chuẩn cho mô hình tổ chức bộ máy Chính phủ và cơ cấu tổ chức các cơ quan Chính phủ; kiện toàn hệ thống tổ chức các cơ quan chính quyền; tăng cường các công tác nâng cao năng lực cho bộ máy tổ chức cấp Xã, Phường.

- Trong công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước, đã chủ trì việc xây dựng Pháp lệnh cán bộ, công chức Nhà nước, đồng thời tiến hành các nội dung triển khai thực hiện Pháp lệnh. Đây là một nội dung lớn mang tính chất đổi mới, hoàn thiện phương thức quản lý cán bộ, công chức Nhà nước để từng bước hoạch định các nội dung và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức đã được hoạch định phân ngạch, bậc, được tiến hành phân loại theo chức danh, tiêu chuẩn cán bộ, công chức quản lý và cán bộ, công chức chuyên môn nghiệp vụ. Từng bước đưa công tác thi tuyển công bằng hơn áp dụng vào các nội dung quản lý cán bộ, công chức Nhà nước.

- Tiến hành việc cải tiến chế độ tiền lương và triển khai các nhiệm vụ trong việc quản lý tiền lương đối với cán bộ, công chức Nhà nước. Những kết quả của việc cải tiến tiền lương trong các năm qua đã bước đầu thực hiện việc tiền lương hoá và tạo niềm phấn khởi, cải thiện đời sống cho cán bộ, công chức Nhà nước. Đặc biệt đã bước đầu quản lý được nguồn ngân sách lương của Nhà nước.

- Công tác đào tạo cán bộ, công chức Nhà nước đã được hoàn thiện về quản lý và tăng cường, chủ trương có Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước; đặc biệt là cho đội ngũ cán bộ cấp cơ sở và đội ngũ công chức chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng các yêu cầu trước mắt.

Từ 1995 đến nay, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao bổ xung 8 nhiệm vụ cho Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đảm nhiệm được quy định tại các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ngoài chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Nghị định 181/CP ngày 09/11/1994 của Chính phủ. Cụ thể gồm: Nghị định số 03/1999/NĐ-CP ngày 28/01/1995 của Chính phủ về việc giúp Chính phủ quản lý thống nhất các hoạt động hợp tác quốc tế với nước ngoài trong lĩnh vực cải cách hành chính; Văn bản số 6358/VPUB ngày 06/11/1995 của chính phủ về làm đầu mối với ASEAN trong lĩnh vực công vụ; Quyết định số 158/QĐ-TTG ngày 02/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ uỷ nhiệm Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ các Hội, Hiệp hội các tổ chức kinh tế hoạt động trong phạm vi cả nước hoặc ở nhiều tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương và các Hội hữu nghị với nhân dân các nước; Quyết định số 159/QĐ-TTg ngày 02/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ phân công Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban công tác về các tổ chức phi Chính phủ; Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ và phân công Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ làm Ủy viên thường trực Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ; Quyết định số 79/1998/QĐ-TTg ngày 09/4/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban chỉ đạo tiền lương Nhà nước và phân công Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ làm Phó trưởng ban thường trực Ban chỉ đạo tiền lương Nhà nước; Quyết định số 236/1999/QĐ-TTg ngày 24/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và phân công Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ là cơ quan đầu mối của Chính phủ, chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ tình hình hoạt động hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam; Nghị định số 67/1999/NĐ-CP ngày 07/8/1999 của Chính phủ) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật khiếu nại tố cáo (Điều 30, Điều 31) Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật công chức trong cơ quan hành chính Nhà nước mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đã giải quyết lần đầu nhưng còn có khiếu nại.

Những đánh giá và nhận định.

Thông qua quá trình hình thành và hoạt động của Bộ Nội vụ với công tác tổ chức cán bộ của Chính phủ từ 1945-1973 (3 giai đoạn); có một số đánh giá và nhận định sau:

1. Hồ Chí Minh - Bác Hồ cùng Đảng Cộng sản Việt Nam do người sáng lập đã từng bước theo quá trình vận động của cách mạng và theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lê Nin. Việc hình thành Nhà nước mới của dân tộc Việt

Nam là: Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) với mục tiêu: "việc nước là việc chung" nhằm lôi cuốn và hình thành tổ chức cứu nước. Đó là một hình thái của tổ chức sâu rộng, tiếp theo sau khi đã thành lập chính đảng của giai cấp vô sản Việt Nam (2/1930). Tiến thêm một bước nữa, để chuẩn bị cho một mô hình tổ chức mới cho Tổ quốc mang đậm nét dân chủ nhân dân ngược hẳn với suy nghĩ ngàn đời của dân tộc theo mô hình quân chủ phong kiến tập trung. Đó là chủ trương của Bác Hồ và Đảng về việc triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân (10/1944). Các bước chuẩn bị cho một hình thái tổ chức và mô hình Nhà nước dân chủ nhân dân, cộng hoà nghị viện được thể hiện ở bước chuẩn bị tiếp theo của Bác Hồ và Đảng là: chủ trương thành lập Uỷ ban dân tộc giải phóng - đây chính là hình thái tiền Chính phủ, bước tổ chức dự bị để đưa ra Đại hội đại biểu quốc dân và trên diễn đàn của đại hội đại biểu quốc dân (8/1945) tại Tân Trào (hình thái Nghị viện - Quốc hội sau này); Uỷ ban dân tộc giải phóng (tiền Chính phủ) đã được thành lập để theo trào lưu cách mạng, chuẩn bị chính quyền cho một Nhà nước dân chủ nhân dân non trẻ đầu tiên của vùng Đông Nam Á.

Theo lý tưởng và mục tiêu của Đảng, trước hết làm cách mạng dân quyền để tiến tới xã hội cộng sản", cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, tổ chức là một nghệ thuật được thể hiện qua lịch sử hình thành Nhà nước ta là như vậy.

2. Kiên quyết trong mục tiêu vì một Nhà nước mới theo con đường do Đảng vạch ra, linh hoạt trong hành động, mềm dẻo có bước tiến, bước lùi trong chính trị (dĩ bất biến, ứng vạn biến); trong những ngày đầu tổ chức và hoạt động công tác của bộ máy Chính phủ nói chung và công tác trong lĩnh vực tổ chức cán bộ của nội vụ Nhà nước nói riêng có những nét lớn sau:

- Mời nhân sĩ, kể cả những người của bộ máy phong kiến, các tổ chức đoàn thể xã hội và Đảng phái chính trị khác tham gia Chính phủ.

- Để đảm bảo tính chính trị và quy tụ lực lượng cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giữ gìn độc lập, Đảng có lúc phải tuyên bố giải tán lui vào hoạt động bí mật.

- Nhượng bộ hết mức đối với kẻ thù nhằm mục tiêu tập hợp lực lượng và dành thời gian củng cố chính quyền, xây dựng bộ máy chính quyền mới non trẻ dân chủ hợp hiến và hợp pháp. Cách thức tiến hành bằng cách song song với việc tiến hành chuẩn bị tổng tuyển cử, xây dựng dự thảo hiến pháp của Nhà nước dân chủ cộng hoà, Nhà nước của dân: Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp.

3. Chính phủ đã có quy định chung về tổ chức cán bộ trong các Bộ của Chính phủ (Sắc lệnh số 57/ SL ngày 03/5/1946, trong đó quy định tổ chức cán bộ (bổ xung và thay thế 1 số nội dung theo Sắc lệnh ngày 10/10/1945 quy

định tạm thời các luật lệ hiện hành). Sắc lệnh 57/SL này quy định ở mỗi Bộ của Chính phủ có Bộ trưởng và Thứ trưởng, có một Văn phòng (mang tính chất Văn phòng của Bộ trưởng) tối đa không quá 7 người (1 Đồng lý Văn phòng, 1 Chánh Văn phòng, 1 Phó Văn phòng, 1 Bí thư, 3 Tham chính Văn phòng) và số người này chỉ giữ chức vụ khi Bộ trưởng đương chức, điều hành hành chính giúp Bộ trưởng có Đồng lý sự vụ và Phó đồng lý sự vụ (quan chức cao cấp chuyên môn không phải từ chức khi thay đổi Bộ trưởng và do Chính phủ phê chuẩn theo đề nghị của Bộ trưởng). Các Nha (Cục) được thành lập (do 1 Giám đốc Nha quản trị) theo đề nghị của Bộ trưởng và do Chính phủ quyết định. Tùy theo mỗi Bộ có thể thành lập nha thanh tra và cán bộ thanh tra. Nha thanh tra do một Tổng thanh tra điều khiển và các cán bộ thanh tra của Bộ đều do Chính phủ thành lập và bổ nhiệm; mỗi Bộ có thể thành lập một Ban cố vấn do Bộ trưởng lập cử. Việc xếp hạng và trả lương cũng được quy định trong Sắc lệnh 57/SL.

Theo nội dung của Sắc lệnh 57/SL ngày 3/7/1946 và Sắc lệnh 58/SL quy định tổ chức của Bộ Nội vụ như sau: Văn phòng, Nha thanh tra (2 tổ chức này là của Bộ trưởng và trực tiếp giúp việc cho Bộ trưởng); Nha công chức và Kế toán: quy chế và quản trị công chức, kế toán nội bộ; Nha pháp chính: việc pháp chế và hành chính; Nha thông tin - tuyên truyền: thu thập và tuyên bố các tin trong nước; Việt Nam Công an vụ: việc trị an; Nha dân tộc thiểu số: xem xét các vấn đề chính trị và hành chính thuộc về các dân tộc thiểu số trong nước và thắt chặt tình thân thiện giữa các dân tộc sống trên đất Việt Nam.

4. Theo chức năng, nhiệm vụ được quy định, những nhiệm vụ đã tiến hành trong các năm từ 1947-1960 về công tác quản lý công chức và định các chế độ lương cho đội ngũ công chức của Nhà nước được quan tâm và triển khai mạnh: từ Sắc lệnh 188/SL ngày 29/5/1948 về việc lập 1 chế độ công chức mới, trong đó quy định 5 ngạch lương từ thấp đến cao (A,B,C,D,E), 19 bậc lương và 4 khoản phụ cấp theo lương và một số 1 nội dung về thành tích và công trạng để trọng dụng công chức. Tiếp theo Sắc lệnh này Bộ Nội vụ có một số Thông tư hướng dẫn thể lệ tuyển dụng công chức, đánh giá công chức, khen thưởng kỷ luật công chức, thi tuyển...

Theo Thông tư số 05/CB ngày 4/8/1954 của Bộ Nội vụ về việc ổn định cấp bậc, Nghị định số 747/TTg ngày 23/4/1956 và theo Nghị định 650/TTg ngày 30/12/1955 đặt các thang lương của cán bộ, công nhân viên chức các cơ quan xí nghiệp Nhà nước, những nội dung quản lý đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước được thể hiện theo tinh thần thay đổi cho phù hợp với điều kiện mới: 2 loại cán bộ nhân viên (1 loại nghiệp vụ và 1 loại phục vụ); 12 bậc lương (bậc cao nhất 72 kg gạo, thấp nhất 35 kg gạo; mỗi bậc chênh nhau từ 2-5 kg gạo). Kèm theo đó phân loại cấp bậc cán bộ. Những nội dung này tạo vấn đề đơn giản hoá cấp bậc cán bộ và tiền lương, tạo nên sự phấn khởi chung trong đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước.

Đến năm 1958 theo Nghị định số 270/TTg ngày 31/5/1958 quy định tiền lương cho khu vực hành chính, sự nghiệp có quy định chi tiết hơn cách sắp xếp bậc lương. Đây là những nội dung tiên thân cho việc xây dựng hệ thống lương của năm 1960 và được áp dụng cho đến năm 1985.

Chế độ phân định lao động và tiền lương của năm 1960 là một bức tranh tổng thể được thể hiện qua các Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ ngày 27/4/1960, Nghị định 23/CP ngày 30/6/1960, Nghị định số 25/CP ngày 5/7/1960, Nghị định 24/CP ngày 01/7/1960 và một loạt Thông tư hướng dẫn kèm theo.

Cho đến năm 1960, sau Quốc hội khoá II, theo Sắc lệnh số 18/LCT ngày 26/7/1960 công bố Luật Tổ chức Hội đồng Chính phủ và cơ cấu tổ chức của các Bộ và cơ quan trực thuộc Chính phủ đã được thể hiện cụ thể và rộng hơn, chi tiết hơn. Nghị định số 130/CP ngày 29/9/1961 đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ. Trong Nghị định này Bộ Nội vụ có chức năng quản lý công tác tổ chức và dân chính. Có 12 nhiệm vụ cụ thể bao gồm: nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chính sách, chế độ, thể lệ; trình Hội đồng Chính phủ phê chuẩn việc thành lập các cấp Phòng; trình Hội đồng Chính phủ phê chuẩn về dự án điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính; chỉ đạo việc tổ chức bầu cử; quản lý Trường Hành chính Trung ương; thống kê lực lượng cán bộ, công nhân viên hành chính sự nghiệp; quản lý công tác biên chế các cơ quan thuộc khu vực không sản xuất; nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chế độ chính sách, chế độ đối với thương binh, liệt sỹ... chỉ đạo thực hiện chính sách đối với Việt kiều về nước; quản lý công tác phòng cháy chữa cháy; quản lý nội bộ Bộ. Đặc biệt Bộ Nội vụ có quyền bãi bỏ các quy định, thông tư của các Bộ, Ngành khác nếu nội dung có liên quan và không đúng theo nội dung quản lý của Bộ. Về cơ cấu tổ chức Bộ Nội vụ gồm: Văn phòng, Vụ Tổ chức Cán bộ, Vụ Biên chế Tiền lương, Vụ Dân chính và thương binh, Vụ Việt kiều, Cục phòng cháy chữa cháy, các đơn vị sự nghiệp và sau này bổ xung thêm Vụ hưu trí.

Năm 1960, theo Nghị quyết của Quốc hội và Luật Tổ chức Hội đồng Chính phủ, trong cơ cấu tổ chức của Chính phủ có Bộ Nội vụ và thiết lập Bộ Công an. Ngày 29/09/1961, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 130/CP quy định: Bộ Nội vụ là cơ quan của Hội đồng Chính phủ có trách nhiệm quản lý công tác tổ chức và dân chính theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo đảm hoàn thành tốt công tác xây dựng và kiện toàn bộ máy Nhà nước và công tác dân chính... Tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ gồm: Văn phòng; Vụ Tổ chức và cán bộ; Vụ Chính quyền địa phương; Vụ Biên chế và tiền lương; Vụ Dân chính và thương binh; Vụ Việt kiều; Cục Phòng cháy và chữa cháy; Và các đơn vị sự nghiệp do Bộ quản lý.

5. Về tổ chức bộ máy làm các công tác tổ chức và cán bộ ở địa phương ngày 13/6/1963 theo Thông tư số 15/NV của Bộ Nội vụ, tại Ủy ban hành chính các Tỉnh, Khu, Thành phố trực thuộc trung ương lập Ban Tổ chức và Dân chính, trong Thông tư đã nêu rõ chức năng và các nhiệm vụ, quyền hạn

và cơ cấu tổ chức của Ban Tổ chức và Dân chính (hiện nay là Ban Tổ chức chính quyền).

6. Mô hình tổ chức Nhà nước theo nội dung Hiến pháp đã được cụ thể hoá. Quá trình tiến đến thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Hình thức Nhà nước mới của nhân dân lao động đầu tiên ở Châu Á là một quá trình có tổ chức một cách khoa học, thành quả của một chính Đảng cộng sản do Hồ Chí Minh thành lập và dẫn dắt. Mô hình tổ chức Nhà nước này, luôn luôn phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

7. Danh sách các cán bộ giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ và các chức vụ quan trọng trong Bộ qua các thời kỳ như sau:

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ lâm thời từ 25/8/1945: Võ Nguyên Giáp (thay mặt Bộ trưởng Bộ Nội vụ khi vắng: Hoàng Minh Giám.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ lâm thời tự cải tổ từ 01/01/1946: Võ Nguyên Giáp.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong kháng chiến từ 03/3/1946: **Cụ Huỳnh Thúc Kháng.**

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến từ 22/12/1946: **Cụ Phan Kế Toại.** Trong đó có một thời gian ngắn từ 6/1947 - 10/1947: **Cụ Tôn Đức Thắng;** thường trực **Trần Duy Hưng.**

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ từ 9/1955: **Cụ Phan Kế Toại;** từ 1959 thứ trưởng thường trực **Lê Tất Đắc.**

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ từ 07/7/1964: **Ung Văn Khiêm;** Thứ trưởng thường trực **Nguyễn Văn Ngọc.**

8. Từ 1970, các cán bộ đang làm nhiệm vụ về tổ chức cán bộ Nhà nước tại Bộ Nội vụ và Bộ Lao động thương binh xã hội...được điều động về Văn phòng Phủ Thủ tướng, đồng thời các chức năng, nhiệm vụ về lĩnh vực này cũng được chuyển đổi về Văn phòng Phủ Thủ tướng để chuẩn bị các nhiệm vụ mới trong thời kỳ mới. Đây chính là tiền đề cho việc thành lập Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (20/2/1973).

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ từ 01/7/1971: **Dương Quốc Chính;** Thứ trưởng thường trực **Tô Quang Đẩu.**

Về mối quan hệ quản lý giữa Bộ Nội vụ và các cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ ở địa phương: trước 6/1963 các lĩnh vực công tác về tổ chức và cán bộ ở cấp khu, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ban tổ chức và dân chính. Mối quan hệ giữa Bộ Nội vụ và Ban Tổ chức Dân chính là mối quan hệ quản lý dọc. Điều này được thể hiện rõ trong Thông tư số 15/NV. Đến những năm 1969-1973 việc chuyển đổi được tiến hành song song với cấp Trung ương việc chuẩn bị thành lập Ban Tổ chức của Chính phủ và Ban Tổ chức chính quyền ở các Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mối quan hệ quản lý chuyển từ trực tiếp sang quản lý Nhà nước.

Giai đoạn phát triển của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ từ 1973 đến nay với một hình thái tổ chức vận động ngày càng phù hợp hơn theo từng mốc thời gian lịch sử. Thông qua nội dung nêu trên, trong giai đoạn này có một số nhân định và đánh giá như sau:

1. Công tác tổ chức Nhà nước phục vụ nhiệm vụ chính trị trọng đại và sự phát triển của đất nước. Từ 1945 - 1973 chức năng, nhiệm vụ của công tác tổ chức được giao cho Bộ Nội vụ đảm trách. Từ năm 1972, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã bước sang giai đoạn mới, buộc Mỹ phải chấp nhận lập lại hoà bình ở Việt Nam theo hướng thuận lợi cho ta. Từ đó việc xác định giải phóng Miền nam, thống nhất đất nước đã được hoạch định trong một tương lai không xa. Trong tình hình đó, chuẩn bị các nội dung về mặt tổ chức nhà nước thống nhất (Mặt trận dân tộc giải phóng Miền nam Việt nam, Chính phủ cách mạng cộng hoà Miền nam Việt Nam...), chuẩn bị Quốc hội thống nhất, tổng tuyển cử, xây dựng chính quyền cách mạng ở các cấp sau giải phóng... là một nội dung cần có công tác tổ chức trước. Năm 1973, thành lập Ban Tổ chức của Chính phủ là cơ quan của Chính phủ để thực hiện chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ các mặt về lĩnh vực tổ chức là một nội dung mang tính tập trung thống nhất, mang tính khách quan cần thiết phục vụ cho nhiệm vụ cụ thể của Chính phủ trong thời điểm tất yếu của lịch sử.

2. Do yêu cầu nhiệm vụ của giai đoạn phát triển, sau khi đất nước thống nhất Ban Tổ chức của Chính phủ là cơ quan giúp Thủ tướng Chính phủ về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức thực hiện hai chức năng tham mưu và quản lý Nhà nước về lĩnh vực Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức. Mô hình tổ chức bộ máy Nhà nước sau khi thống nhất đất nước với kết quả của Quốc hội thống nhất (1976) phản ánh tính tập trung quản lý sâu, trong đó cơ cấu tổ chức của Chính phủ được tổ chức với nhiều đầu mối kết hợp việc hợp nhất các tỉnh, huyện; lấy huyện là địa bàn quản lý tập trung của phát triển kinh tế - xã hội (mỗi huyện là một pháo đài). Những nội dung tổ chức này là mô hình chung của các nước trong phe XHCN khi đó đang là phong trào phát triển mạnh mẽ và thu được nhiều thắng lợi mà trong đó có sự đóng góp không nhỏ của ta với chiến thắng giải phóng giải phóng dân tộc và xây dựng nền móng CNXH. Trong bối cảnh như vậy, mô hình tổ chức bộ máy Nhà nước theo Hiến pháp (1981) có Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Bộ trưởng - là một mô hình mới phản ánh bản chất quản lý theo chiều sâu và hành thái dân chủ (tập thể) lãnh đạo, cá nhân quản lý...; từ đó, cho thấy việc tách Ban Tổ chức của Chính phủ thành một cơ quan độc lập cũng là một nhiệm vụ do yêu cầu khách quan chung cần thiết cho việc tạo đà phát triển mới cho ngành Tổ chức Nhà nước.

3. Năm 1986, trong công cuộc Đổi mới do đại hội VI của Đảng khởi xướng đã mang đến cho sự phát triển của đất nước luồng sinh khí mới, đặc biệt là về phát triển kinh tế. Công tác tổ chức cán bộ Nhà nước cho một giai đoạn phát triển mới phục vụ nhiệm vụ chính trị được triển khai nhằm từng

bước vững chắc chuyển đổi thể chế chính trị đồng bộ với chuyển đổi kinh tế theo các nội dung đổi mới. Việc tăng cường và nâng cao vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Ban Tổ chức của Chính phủ là một nội dung pháp chế và đã được xác định nhằm chuẩn bị xây dựng một mô hình Nhà nước mới (Hiến pháp 1992 quy định có Quốc hội, Chủ tịch nước, Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ). Đồng thời cũng phù hợp với sự chuyển đổi chung trên cục diện hoà nhập cộng đồng quốc tế của nước ta, trước những mất mát của sự sụp đổ khối các nước XHCN ở Đông Âu và đặc biệt là của Liên xô (được coi là thành trì của phe XHCN). Ban Tổ chức của Chính phủ với vị trí, chức năng, nhiệm vụ được tăng cường (Nghị định 135/HĐBT /1990 - chuyển từ cơ quan trực thuộc Thủ tướng Chính phủ thành Cơ quan trực thuộc Chính phủ) và theo Nghị quyết của Quốc hội khóa IX/1992 (chuyển từ cơ quan trực thuộc Chính phủ thành cơ quan ngang bộ) cũng là một sự phát triển khách quan cần thiết.

4. Từ khi thi hành Nghị định 181/CP ngày 09/11/1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đến nay, về công tác tổ chức bộ máy hành chính của các cơ quan Trung ương đã có nhiều chuyển biến, các bộ đã theo phương thức tổ chức Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; Đổi mới về mặt tổ chức chính quyền địa phương, địa giới hành chính, công tác bầu cử và tổ chức Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân các cấp; Đổi mới tổ chức quản lý Hội và Tổ chức Phi Chính phủ; Đổi mới công tác quản lý Hợp tác Quốc tế; Đổi mới công tác Thanh tra Pháp chế, công tác đào tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở và đặc biệt đã thể chế hoá công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức thông qua các văn bản quy phạm pháp luật có tính pháp lý cao như Pháp lệnh cán bộ, công chức và các Nghị định của Chính phủ đã đưa dần công tác quản lý cán bộ, công chức đi vào nề nếp; Tiến hành các nội dung cải cách về chính sách tiền lương, tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, dịch vụ cải cách hành chính công, thí điểm khoán biên chế - tiền lương.

5. Một trong các vấn đề cơ bản cho xu hướng phát triển theo chiến lược đến năm 2010 và kế hoạch cho đến năm 2005 của đất nước theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng là: Công tác tổ chức - cán bộ nhà nước được xác nhận trên cơ sở xây dựng pháp chế XHCN cần có một cơ quan của Chính phủ chuyên trách quản lý. Vấn đề đặt ra cần nghiên cứu và hoạch định chiến lược trong lĩnh vực Tổ chức, Cán bộ của Chính phủ - đã đến thời điểm tiến tới lập đề án thành lập Bộ Nội vụ mà trong đó tăng cường các nhiệm vụ của Nhà nước về công tác đối nội cho sự nghiệp đổi mới của thời kỳ Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Theo nguyện vọng của cán bộ, công chức đã và đang công tác trong ngành Tổ chức Nhà nước, Lãnh đạo Ban Tổ chức - Cán bộ chính phủ đã trình và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý việc tổ chức Lễ kỷ niệm lần thứ nhất ngày truyền thống ngành Tổ chức Nhà nước vào ngày 28/8/2002 tại Hà Nội. Đây cũng là dịp toàn ngành Tổ chức Nhà nước mong đợi, đón chờ những phần

thường cao quý của Đảng và Nhà nước trao cho ngành, biểu dương khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển của ngành Tổ chức Nhà nước.

Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ xin báo cáo bổ sung và đề nghị Ban Tổ chức Trung ương xem xét, trình Bộ Chính trị khen thưởng "**Huân chương Sao Vàng**" cho ngành Tổ chức Nhà nước./.

Biểu đồ thời gian phát triển của ngành Tổ chức Nhà nước.

(Gửi kèm công văn số: 224/BTCCBCP-TCCB ngày 18 / 7 /2002)

1. Ngày 16/4/1945 tổng bộ Việt minh ra chủ trương và thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng "...Ủy ban dân tộc giải phóng là hình thức tiền Chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng..."

2. Ngày 13/8/1945 Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào quyết định Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc để giành chính quyền.

3. Ngày 16/8/1945 - Đại hội đại biểu quốc dân được tổ chức để triển khai, lãnh đạo Tổng khởi nghĩa và vạch ra 10 điểm làm nhiệm vụ cho cách mạng, coi đó là hiệu triệu giành chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trên nền tảng hoàn toàn độc lập.

4. Ngày 25/8/1945, Ủy ban dân tộc giải phóng về Hà Nội. Trong tình hình mới, theo đề nghị của Hồ Chí Minh, Ủy ban dân tộc giải phóng được cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Ngày 28/8/1945 Chính phủ lâm thời ra tuyên cáo: "Ủy ban dân tộc giải phóng đã quyết định tự cải tổ mời thêm một số nhân sĩ tham gia Chính phủ đặng cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề mà Quốc dân giao phó..."

5. Ngày 19/01/1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nghị định số 14 quy định nhiệm vụ và tổ chức bộ máy Bộ Nội vụ. Ngày 3/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sắc lệnh 58/SL quy định chính thức tổ chức, nhiệm vụ của Bộ Nội vụ (trong cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ có Nha Công an).

6. Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội Khoá I của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ với 89% cử tri đi bầu và 333 đại biểu được bầu. Quốc hội đã được triệu tập họp kỳ đầu tiên ngày 03/3/1946.

7. Kỳ họp thứ 2 Quốc hội Khoá I (10-11/1946) đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với các nội dung quy định chính thể Nhà nước, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân, Nghị viện, Chính phủ, Hội đồng Nhân dân và Ủy ban hành chính, cơ quan tư pháp.

8. Ngày 19/01/1946 Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã quy định chức năng, nhiệm vụ cho các tổ chức của Bộ Nội vụ.

9. Tháng 6/1947 đến tháng 10/1947 Cụ Tôn Đức Thắng là Bộ trưởng Bộ Nội vụ thay Cụ Huỳnh Thúc Kháng (mất); từ tháng 10/1947 Bộ trưởng Bộ Nội vụ là Cụ Phan Kế Toại.

10. Sắc lệnh số 141/SL ngày 16/2/1953 thành lập thứ Bộ Công an, tháng 6/1953 thành lập Bộ Công an (trước thời gian này là Công an vụ nằm trong Bộ Nội vụ).

11. Tháng 9/1955 tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội Khoá I, trong thời kỳ miền Bắc được giải phóng Chính phủ đã được mở rộng và bổ sung, bao gồm:

Chủ tịch	Hồ Chí Minh
Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	Phạm Văn Đồng
Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Phan Kế Toại

12. Tháng 12/1959 Quốc hội Khoá II đã thông qua Hiến pháp năm 1959 (ngày 01/01/1960), Hiến pháp được công bố. Bộ máy Chính phủ đã được kiện toàn bao gồm:

Chủ tịch	Hồ Chí Minh
Thủ tướng CP kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	Phạm Văn Đồng
Phó Thủ tướng CP kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Phan Kế Toại

13. Trên cơ sở xác định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ theo cơ cấu Chính phủ được quy định trong Hiến pháp 1959 và theo Nghị quyết của Quốc hội (01/1/1960). Ngày 20/3/1963 Hội đồng Chính phủ đã có Quyết định số 31/CP về việc điều chỉnh 1 số nhiệm vụ giữa Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, Bộ Công an, Bộ Y tế và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam. Việc phân định này được căn cứ theo các Nghị định số 130/CP ngày 29/9/1961 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ. Theo nội dung phân định này, về chức năng quản lý đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước được thể hiện như sau:

Bộ Nội vụ có nhiệm vụ phụ trách công tác cứu tế xã hội và an toàn xã hội; công tác quản lý nhà đất, công tác quản lý hàng binh; nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chính sách, chế độ hưu trí, tiền tuất, nghỉ việc vì mất sức lao động đối với cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước; chỉ đạo thực hiện các chính sách, chế độ (kể cả việc quản lý quỹ và quản lý trại an dưỡng).

14. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ, xét tình hình triển khai công tác tổ chức tại địa phương; ngày 13/6/1963 Bộ Nội vụ có Thông tư số 15/NV về việc chấn chỉnh tổ chức bộ máy làm các công tác do Bộ Nội vụ chỉ đạo ở địa phương. Trong Thông tư nêu rõ: trong đợt cải tiến tổ chức địa phương lần này, Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban hành chính nên đưa các công tác do Bộ Nội vụ chỉ đạo ở Khu, Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương vào một mối thống nhất, vào một tổ chức lấy tên là

Ban Tổ chức và dân chính. Đồng thời, Thông tư đã đề ra các nhiệm vụ của Ban Tổ chức và dân chính gồm các nội dung cơ bản sau:

- Xây dựng và kiện toàn tổ chức bộ máy của địa phương; phân nhiệm và phân cấp quản lý; xây dựng và sửa đổi chế độ công tác; nghiên cứu việc điều chỉnh địa giới; tổ chức phục vụ bầu cử; kiện toàn tổ chức chính quyền Xã...; huấn luyện các uỷ viên uỷ ban hành chính Xã...; quản lý và phân bổ biên chế; quản lý công tác cán bộ theo phân cấp; thi hành các chính sách cho cán bộ, công nhân viên chức; thi hành các chính sách chế độ cho cán bộ Xã...thi hành chính sách cán bộ cho thương binh liệt sỹ...; thi hành các chính sách về thể lệ, hộ tịch, lập hội; thi hành các chính sách về cứu tế và xã hội...; quản lý nhà đất. Ban Tổ chức và dân chính không tổ chức thành phòng mà chia thành 02 khối (khối về công tác tổ chức và khối về chính sách). Đây là một văn bản quan trọng đánh dấu một bước thành lập hệ thống tổ chức trong lĩnh vực công tác tổ chức Nhà nước. Tại các Bộ, Ngành có Vụ Tổ chức Cán bộ, tại địa phương có Ban Tổ chức và dân chính.

15. Bắt đầu từ năm 1969 những nhiệm vụ công tác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và con người của Bộ Nội vụ có sự điều chuyển. Nội dung này được thể hiện thông qua các Nghị quyết, Nghị định của Hội đồng Chính phủ, Quyết định của Hội đồng Chính phủ.

- Quyết định số 140/CP của hội đồng Chính phủ ngày 14/8/1969 về việc chuyển giao công tác quản lý biên chế hành chính sự nghiệp từ Bộ Nội vụ sang Bộ Lao động phụ trách.

- Quyết định số 41/CP ngày 26/2/1970 về việc chuyển 1 số nhiệm vụ của Bộ Nội vụ về Uỷ ban Thống nhất và Phủ Thủ tướng. Trong đó có nhiệm vụ về tổ chức bộ máy, công tác xây dựng chính quyền địa phương, bầu cử, bồi dưỡng lý luận và quản lý Hội.

Theo các Quyết định này, một số cán bộ đang thực hiện các nhiệm vụ theo các Quyết định cũng được điều chuyển về Phủ Thủ tướng.

16. Danh sách các cán bộ giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ và các chức vụ quan trọng trong Bộ qua các thời kỳ như sau:

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ lâm thời từ 25/8/1945: Võ Nguyên Giáp (thay mặt Bộ trưởng Bộ Nội vụ khi vắng: Hoàng Minh Giám.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ lâm thời tự cải tổ từ 01/01/1946: Võ Nguyên Giáp.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong kháng chiến từ 03/3/1946: **Cụ Huỳnh Thúc Kháng.**

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến từ 22/12/1946: **Cụ Phan Kế Toại.** Trong đó có một thời gian ngắn từ 6/1947 - 10/1947: **Cụ Tôn Đức Thắng;** thường trực **Trần Duy Hưng.**

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ từ 9/1955: **Cụ Phan Kế Toại**; từ 1959 thứ trưởng thường trực **Lê Tất Đắc**.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ từ 07/7/1964: **Ung Văn Khiêm**; Thứ trưởng thường trực **Nguyễn Văn Ngọc**.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ từ 01/7/1971: **Dương Quốc Chính**; Thứ trưởng thường trực **Tô Quang Đầu**.

17. Từ 1969, những chức năng, nhiệm vụ trong lĩnh vực tổ chức và cán bộ theo thẩm quyền của Chính phủ có những chuyển biến theo chuyển biến chung của đất nước. Cuộc kháng chiến chống Mỹ và bẻ gãy tay sai tại miền Nam nhằm thực hiện chiến lược giải phóng đất nước, độc lập dân tộc đã bước sang 1 giai đoạn quyết định. Những chức năng, nhiệm vụ về công tác tổ chức của Chính phủ trước đó thuộc thẩm quyền của các Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, Bộ Thương binh Xã hội dần dần được chuyển về một đầu mối do Thủ Thủ tướng đảm nhiệm (Quyết định số 41/CP ngày 6/3/1970, Quyết định số 40/CP ngày 26/2/1970). Cụ thể bao gồm một số chức năng, nhiệm vụ sau: quản lý biên chế hành chính sự nghiệp, tổ chức bộ máy, công tác xây dựng chính quyền địa phương, công tác bầu cử, công tác bồi dưỡng lý luận và quản lý hành chính, công tác quản lý Hội.....kèm theo đó có sự điều chuyển những cán bộ đang thực hiện những nhiệm vụ về công tác tổ chức cán bộ tại các Bộ về Thủ Thủ tướng.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong thời gian từ 1970-1973 có tiến triển và thu nhiều thắng lợi quyết định. Hiệp nghị Paris về vấn đề hoà bình ở Việt Nam đã được ký kết sau thắng lợi của trận Điện Biên phủ trên không (12/1972). Trong bối cảnh đó, chuẩn bị cho một phương hướng chiến lược mới, chuẩn bị cho một Nhà nước thống nhất, Hội đồng Chính phủ đã có một quyết nghị ban hành Nghị định số 29/CP ngày 20/2/1973 thành lập Ban Tổ chức của Chính phủ. Như vậy, đây là ngày tháng thành lập cơ quan với tên gọi là một Ban trực thuộc Chính phủ và một cơ quan ngang Bộ của Chính phủ sau này.

Nghị định 29/CP định rõ: Thành lập Ban Tổ chức của Chính phủ để thực hiện nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính phủ quản lý công tác tổ chức cán bộ theo đường lối chính sách của Đảng và luật lệ của Nhà nước nhằm xây dựng kiện toàn bộ máy. Như vậy, theo tinh thần của Nghị định, Ban Tổ chức của Chính phủ là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu tư vấn của Thủ tướng Chính phủ với một số nhiệm vụ chủ yếu cụ thể.

18. Ngày 15/12/1979, xét tổng thể các nhiệm vụ trong lĩnh vực tổ chức và cán bộ của Chính phủ theo tình hình nhiệm vụ mới, để chuẩn bị cho quá trình sửa đổi hình thái Nhà nước và chuẩn bị cho Đại hội Đảng lần thứ V và Quốc hội Khoá VII; Thủ tướng Chính phủ đã quyết định cho Ban Tổ chức của Chính phủ thành một cơ quan hoạt động độc lập, có trụ sở, biên chế riêng. Bắt đầu từ 1/1/1980, Ban Tổ chức của Chính phủ tách biên chế và ngân sách khỏi Văn phòng Thủ Thủ tướng. Cơ cấu tổ chức bao gồm: Văn phòng, Vụ Cán bộ,

Vụ Chính quyền địa phương, Vụ Tổ chức, Vụ Biên chế. Chức năng, nhiệm vụ vẫn hoạt động theo Nghị định số 29/CP.

19. Ngày 7/5/1990 theo Nghị quyết của Hội nghị Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng họp ngày 12/4/1990 Chính phủ (Hội đồng Bộ trưởng) đã ban hành Nghị định số 135/HĐBT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ (thay đổi so với tên cũ), theo Nghị định số 135/HĐBT, Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ có vị trí là cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng với chức năng giúp Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo và quản lý về tổ chức và cán bộ thuộc các cơ quan hành chính Nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Ngoài các nhiệm vụ được thể hiện trong Nghị định, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ được Hội đồng Bộ trưởng giao thực hiện một số nội dung.

20. Căn cứ vào Luật Tổ chức Chính phủ, Nghị định số 15/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 181/CP ngày 9/11/1994 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (tên cũ là Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ). Trong Nghị định quy định rõ vị trí của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ là cơ quan của Chính phủ với chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực tổ chức bộ máy Nhà nước, công chức và viên chức Nhà nước, lập Hội quân chúng và tổ chức phi Chính phủ, phân vạch địa giới hành chính và công tác lưu trữ tài liệu Quốc gia.